

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

QUỸ ETF SSIAM VNFIN LEAD

Số/No.: *185* /2020/TB-SSIAM-NVQ

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2020
Hanoi, 30 March 2020

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH
HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT
AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM
To: Ho Chi Minh City Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ Fund Management company: Công ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI
- Tên Ngân hàng giám sát/ Supervisory Bank: Ngân hàng BIDV, Chi nhánh Hà Thành
- Tên Quỹ ETF/ ETF name: Quỹ ETF SSIAM VNFIN LEAD
- Mã chứng khoán/ Securities symbol: FUESSVFL
- Ngày giao dịch hoán đổi/ Exchange date: **27/03/2020**
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF
Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ Basket of Component Securities and Cash Component:

STT	Mã chứng khoán	Số lượng	Tỷ lệ % trong danh mục
Order	Securities symbol	Volume	Weight
I	Chứng khoán/Stock		
1	BID	810	3.6%
2	BVH	110	0.6%
3	CTG	3,210	8.0%
4	EIB	2,840	5.8%
5	HCM	270	0.5%
6	HDB	3,680	9.5%
7	MBB	7,010	13.9%
8	SSI	1,420	2.4%
9	STB	8,650	9.9%
10	TCB	6,590	14.0%
11	VCB	1,630	13.6%
12	VPB	7,040	18.2%
II	Tiền/Cash (VND)	964,555	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ Difference between a basket and an ETF Creation Unit in value:

- + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/Basket in value 757,202,500 VND
- + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ Value of an ETF Creation Unit 758,167,055 VND
- + Giá trị chênh lệch/ Cash Component 964,555 VND

+ Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch / Options to Investors:

• Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ For creation order : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ Transfer Cash Component

• Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ For redemption order : Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ Receive Cash Component after subtracting tax and redemption fee

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/

In case, stock can be substituted by cash, state clearly the reason:

STT No	Mã Chứng Khoán Securities	Tiền thay thế tương ứng 1 cổ phiếu (VND)	Đối tượng áp dụng	Lý do
1	SSI	12,950	SSI	Cổ phiếu Quỹ chưa đăng ký giao dịch Treasury stock not yet registered for trading
2	BID	33,300	BSC	Hạn chế đầu tư cổ phiếu công ty mẹ theo quy định điều 44.4 a Thông tư 210/2012/TT-BTC Restriction of ownership by Circular 210/2012/TT-BTC
3	MBB	15,050	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
4	TCB	16,100	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	VPB	19,600	Nhà đầu tư nước ngoài / Foreign Investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

Các chỉ tiêu khác/Other criteria

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This Period 27/03/2020	Kỳ trước/Last Period 26/03/2020	Chênh lệch/ Difference
Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	5	0	5
Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	0	0	0
Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	26,700,000	26,200,000	500,000
Giá đóng cửa (VND/ccq)/ Closing price	9,700	9,700	0
Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
của quỹ ETF/ of the Fund	198,639,768,553	203,784,706,130	-5,144,937,577
của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	758,167,055	777,804,221	-19,637,166
của 1 CCQ/ per Share	7,581.67	7,778.04	-196.37
Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	733.31	744.88	-11.57



TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Thị Lệ Hằng